

Số: /TB-SCT

Trà Vinh, ngày tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC CÔNG BỐ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc công bố mới Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương;

Thực hiện quy định tại Điều 3 Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 22/3/2023, Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân về các hình thức cung cấp để thực hiện nộp thủ tục hành chính; Công khai danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận một cửa, qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI), dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ: toàn trình, một phần và danh mục TTHC chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương (*đính kèm Phụ lục danh mục*).

Thông báo này thay thế Thông báo số 102/TB-SCT ngày 15/9/2021 của Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh. Mọi thắc mắc cần được hỗ trợ, hướng dẫn về thủ tục hành chính, vui lòng liên hệ số điện thoại: **0294.3900702** gặp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.

Sở Công Thương trân trọng thông báo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân được biết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các PGĐ Sở (biết);
- Trung tâm PVHCC tỉnh (biết);
- UBND cấp huyện;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Cổng Dịch vụ công tỉnh;
- Quản trị Trang TTĐT Sở (đăng công khai);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Mộng Thu

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TRÀ VINH

(Ban hành kèm theo Thông báo số/TB-SCT ngày/4/2023 của Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm (02 TTHC)						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (2.000591)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công (HCC) tỉnh	Phí thẩm định: - Cơ sở sản xuất 2.500.000 đồng/lần/cơ sở; - Cơ sở kinh doanh 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (2.000535)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Các trường hợp cấp lại: do bị mất, hỏng; thay đổi tên cơ sở; thay đổi chủ cơ sở không có thu phí	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 22/3/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương về việc quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm. - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm;
		07 ngày làm việc		Trường hợp khác, phí thẩm định: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở sản xuất 2.500.000 đồng/lần/cơ sở; - Cơ sở kinh doanh 1.000.000 đồng/lần/cơ sở. 			

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
II							
Lĩnh vực Công nghiệp địa phương (01 TTHC)							
3	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh (2.000331)	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 2/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; - Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. - Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.
III							
Lĩnh vực Dầu Khí (03 TTHC)							
4	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³ (2.000453)	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Nghị định 08/2018/NĐ-Cp ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng; - Công văn số 5359/BCT-TTTN ngày 06/7/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Nghị định số 08/2018/NĐ-CP và đầu tư trạm cung cấp dầu nhớt.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
5	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³ (2.000433)	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định 08/2018/NĐ-Cp ngày 15/01/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 39/2013/TT-BCT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và quản lý đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu, kho khí dầu mỏ hoá lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng; - Công văn số 5359/BCT-TTTN ngày 06/7/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Nghị định số 08/2018/NĐ-CP và đầu tư trạm cung cấp dầu nhớt.
6	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³ (2.000427)	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 5359/BCT-TTTN ngày 06/7/2018 của Bộ Công Thương về việc triển khai Nghị định số 08/2018/NĐ-CP và đầu tư trạm cung cấp dầu nhớt.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
IV	Lĩnh vực Dịch vụ thương mại (02 TTHC)						
7	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại (1.005190)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; - Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006;
8	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại (2.000110)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; - Quyết định số 2840/QĐ-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành hết hiệu lực toàn bộ theo Luật Phí và Lệ phí.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
V	Lĩnh vực Điện (11 TTHC)						
9	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương (2.001617)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 2.100.000 đồng/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương (2.001549)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 1.050.000 đồng/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
11	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương (2.001249)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 800.000 đồng/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
12	Cấp Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương (2.001724)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 400.000 đồng/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
13	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương (2.001535)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 700.000 đồng/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
14	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương (2.001266)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 350.000 đồng/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
15	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương (2.001561)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 800.000 đồng/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
16	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương (2.001632)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 400.000 đồng/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực; Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép hoạt động điện lực.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
17	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện (2.000621)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		- Luật Điện lực ngày 03/12/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012. - Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực. Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện. - Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện. - Thông tư số 13/2022/TT-BCT ngày 25/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư 05/2021/TT-BCT hướng dẫn nội dung về an toàn điện do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.
18	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện (2.000638)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (TN và TKQ) Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	
19	Cấp lại thẻ an toàn điện (2.000643)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
VI	Lĩnh vực Hóa chất (09 TTHC)						
20	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011506)	<p>08 ngày làm việc - đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính</p> <p>12 ngày làm việc - đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p>	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 1.200.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)</p>	<p>- Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.</p>

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011507)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 600.000 đồng/Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
22	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.011508)	<p>08 ngày làm việc - đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính</p> <p>12 ngày làm việc - đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p>	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 600.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)</p>	<p>- Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.</p>

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
23	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001547)	<p>08 ngày làm việc - đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính</p> <p>12 ngày làm việc - đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p>	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 1.200.000 đồng/Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)</p>	<p>- Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.</p>

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
24	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001175)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 600.000 đồng/Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
25	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001172)	<p>08 ngày làm việc - đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính</p> <p>12 ngày làm việc - đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p>	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 600.000 đồng/Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)</p>	<p>- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007.</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.</p>

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
26	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (1.002758)	<p>08 ngày làm việc - đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính</p> <p>12 ngày làm việc - đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p>	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 1.200.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)</p>	<p>- Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.</p>

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
27	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001161)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 600.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
28	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.000652)	<p>08 ngày làm việc - đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính</p> <p>12 ngày làm việc - đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p>	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định 600.000 đồng/ Giấy chứng nhận	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)</p>	<p>- Luật Hóa chất 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.</p>

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
VII	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ (01 TTHC)						
29	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (2.000046)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Lệ phí: 150.000 đồng/giấy đăng ký	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. - Thông tư số 41/2015/TT-BCT ngày 24/11/2015 của Bộ Công Thương quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
							<p>khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29/11/2019 của Bộ Công Thương Quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương. - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
VIII Lĩnh vực Kinh doanh khí (24 TTHC)							
30	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (2.000142)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
31	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (2.000136)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		
32	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (2.000078)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
33	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (2.000166)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
34	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (2.000156)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		
35	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (2.000390)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
36	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (2.000354)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thăm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
37	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (2.000279)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		
38	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (1.000481)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
39	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai (2.000073)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thăm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
40	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai (2.000207)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		
41	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai (2.000201)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
42	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn (2.000194)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thăm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
43	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn (2.000187)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần)	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
44	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn (2.000175)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
45	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (2.000196)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thăm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
46	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (1.000425)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		
47	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (2.000371)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải (2.000387)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thăm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
49	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải (2.000376)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		
50	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải (2.000180)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
51	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải (2.000163)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thăm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định + Tại huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Một phần)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải (1.000444)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		
53	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải (2.000211)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
IX	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (27 TTHC)						
54	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (2.001646)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.</p> <p>- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
55	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (2.001636)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.
56	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (2.001630)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá. - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
57	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (2.001624)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.
58	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (2.001619)	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
59	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (2.000636)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	* Cấp lại hết hiệu lực thu phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
		04 ngày làm việc		* Trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: không thu phí			

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
60	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (2.000637)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá. - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.
61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (2.000197)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		
62	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (2.000640)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
63	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (2.000626)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thăm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá
64	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (2.000204)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
65	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (2.000622)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	* Cấp lại hết hiệu lực thu phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá
		05 ngày làm việc		* Trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: không thu phí			

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
66	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (2.000190)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thăm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
67	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (2.000176)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
68	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (2.000167)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	* Trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
		05 ngày làm việc		* Trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: không thu phí			

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
69	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (2.000674)	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005; - Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Thông tư số 38/2014 /TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
70	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (2.000666)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		
71	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương (2.000664)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
72	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (2.000673)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.	- Luật Thương mại ngày 14/6/2005; - Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Thông tư 38/2014 /TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ kinh doanh xăng dầu; - Thông tư 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
73	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (2.000669)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	
74	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (2.000672)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
75	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (2.000648)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Phí thẩm định: + Tại thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định + Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại ngày 14/6/2005; - Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Thông tư 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ kinh doanh xăng dầu; - Thông tư 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.
76	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (2.000645)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình)	
77	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (2.000647)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
78	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ (1.010696)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: Toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại ngày 14/6/2005; - Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. - Thông tư 38/2014 /TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ kinh doanh xăng dầu; Thông tư

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
							<p>28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá.</p>

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
79	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (1.001005)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giá 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012; - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá. - Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
80	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (2.000459)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Công Thương Quy định về đăng ký giá, kê khai giá sửa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
X	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh (05 TTHC)						
81	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (2.000309) (có hiệu lực từ ngày 01/4/2023)	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại BP Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/2/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh quốc gia;
82	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (2.000631) (có hiệu lực từ ngày 1/04/2023)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		
83	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (2.000619) – có hiệu lực từ ngày 01/04/2023	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
84	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp (2.000609) (có hiệu lực từ ngày 01/4/2023)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại BP Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/2/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh quốc gia;
85	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương (2.000191) (có hiệu lực từ ngày 01/4/2023)	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại BP Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Mục I Chương III Nghị định 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; - Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/2/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh quốc gia; - Thông tư số 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; - Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
							<p>hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; - Quyết định số 38/2018/QĐ-TTg ngày 05/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; - Quyết định số 25/2019/QĐ-TTg ngày 13/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
XI	Lĩnh vực Thương mại Quốc tế (21 TTHC)						
86	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000063)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Lệ phí: 3.000.000 đồng/giấy phép.	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
87	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000450)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Lệ phí: 1.500.000 đồng/giấy phép.	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình)	- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam;
88	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000347)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Lệ phí: 1.500.000 đồng/giấy phép.	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí và giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
89	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000327)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	- Lệ phí: 1.500.000 đồng/giấy phép.	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình)	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí và giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
90	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của cơ quan cấp Giấy phép (2.000314)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
91	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (2.000255)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		
92	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn (2.000370)	28 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Đầu tư 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật 03/2016/QH14 ngày 01 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Luật Quản lý ngoại thương 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
93	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí (2.000362)	28 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
94	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP (2.000351)	28 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại BP Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	- Luật Thương mại ngày 14/6/2005; - Luật Đầu tư 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật 03/2016/QH14 ngày 01 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Luật Quản lý ngoại thương 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
95	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2.000340)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại BP Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: một phần)	
96	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2.000330)	28 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại BP Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
97	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (2.000272)	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Đầu tư 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật 03/2016/QH14 ngày 01 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Luật Quản lý ngoại thương 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
98	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (2.000361)	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT) 	
99	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (1.000774)	55 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
100	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (2.000339)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Đầu tư 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật 03/2016/QH14 ngày 01 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Luật Quản lý ngoại thương 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
101	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ² (2.000334)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
102	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại (2.000322)	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	- Luật Thương mại 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Đầu tư 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật 03/2016/QH14 ngày 01 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016;
103	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini (2.002166)	55 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	- Luật Quản lý ngoại thương 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
104	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (2.000665)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần)	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
105	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (1.001441)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Đầu tư 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật 03/2016/QH14 ngày 01 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; - Luật Quản lý ngoại thương 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
106	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động (2.000662)	55 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT) 	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
XII	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (07 TTHC)						
107	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (2.000229)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	- Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14); - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.
108	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (2.000210)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
109	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ (2.000221)	08 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	- Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14); - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.
110	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ (2.000172)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
111	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (2.001434)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	<p>* Phí thẩm định:</p> <p>1. Phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa: 5.000.000 đồng.</p> <p>2. Phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đồng</p> <p>3. Phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000 đồng</p> <p>4. Phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000 đồng</p>	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)</p>	<p>- Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14);</p> <p>- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.</p> <p>- Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.</p>

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
112	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (2.001433)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	<p>* Trường hợp thay đổi về địa điểm, quy mô, điều kiện hoạt động, mức thu phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên biển và thềm lục địa: 5.000.000 đồng. 2. Phục vụ thi công, phá dỡ công trình: 4.000.000 đồng 3. Phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác trên đất liền: 3.500.000 đồng 4. Phục vụ nghiên cứu, kiểm định, thử nghiệm: 2.000.000 đồng <p>* Trường hợp cấp lại, điều chỉnh giấy phép nhưng không có thay đổi về địa điểm, quy mô, điều kiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì áp dụng mức thu bằng 50% mức thu tương ứng trên</p>	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14); - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp. - Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. - Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
113	Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (1.003401)	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 14/2017/QH14); - Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. - Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp. - Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. - Thông tư số 53/2019/TT-BTC ngày 20/8/2019 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 148/2016/TT-BTC ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
XIII	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại (06 TTHC)						
114	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (2.000004)	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại ngày 14/6/2005 (số 36/2005/QH11); - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
115	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (2.000002)	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BCT ngày 20/3/2020 của Bộ Công Thương, hợp nhất Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
116	Thông báo hoạt động khuyến mại (2.000033)	Không	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại ngày 14/6/2005 (số 36/2005/QH11); - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
117	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (2.001474)	Không	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BCT ngày 20/3/2020 của Bộ Công Thương, hợp nhất Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
118	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (2.000131)	06 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thương mại ngày 14/6/2005 (số 36/2005/QH11); - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;
119	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (2.000001)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh	Không	Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-BCT ngày 20/3/2020 của Bộ Công Thương, hợp nhất Nghị định 81/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương (01 TTHC)						
1.	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện (2.002096)	30 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	không	UBND cấp huyện	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. (Mức độ: chưa thể cung cấp DVCTT)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 2/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; - Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. - Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
II							
Lĩnh vực Kinh doanh khí (03 TTHC)							
2.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001283)	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Phí thẩm định: 1. Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Đối với hộ kinh doanh là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Điểm kinh doanh tại khu vực huyện: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Đối với hộ kinh doanh là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	UBND cấp huyện	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
3.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001270)	07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	không	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá
4.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (2.001261)	07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	không	UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần) 	

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
III							
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (09 TTHC)							
5.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (2.000633)	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	- Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá. - Thông tư số 22/2018/TT-BTC ngày 22/02/2018 của Bộ Tài Chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá
6.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (2.000629)	07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	- Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện		
7.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (1.001279)	07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	- Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện		

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
8.	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu (2.000620)	10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Phí thẩm định: 1. Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Đối với hộ kinh doanh 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định 2. Điểm kinh doanh tại khu vực huyện: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Đối với hộ kinh doanh là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
9.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu (2.000615)	07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14/6/2019; - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia.
10.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu (2.001240)	07 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: toàn trình) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
11.	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000181)	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Phí thẩm định: 1. Điểm kinh doanh tại khu vực thành phố, thị xã: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Đối với hộ kinh doanh là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. 2. Điểm kinh doanh tại khu vực huyện: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Đối với hộ kinh doanh là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Công dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần)	- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá

Stt	Tên TTHC	TH giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (Nếu có)	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
12.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000162)	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương;
13.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000150)	15 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Không	Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ BCCI tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ: một phần) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.